

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **41**/2022/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **19** tháng **10** năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ;

Căn cứ Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 158/BC-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 12)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Thu hút vào lĩnh vực y tế:

a) Thu hút vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện: Người có trình độ tiến sĩ y học; bác sĩ nội trú thuộc các chuyên khoa nội, ngoại, chấn thương, sản, nhi, tim mạch, miễn dịch dị ứng, giải phẫu bệnh, ung thư, gây mê hồi sức, hồi sức cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh; bác sĩ chuyên khoa II thuộc các chuyên ngành lâm sàng, cận lâm sàng; dược sĩ chuyên khoa II dược lâm sàng; bác sĩ đa khoa tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, hệ chính quy diện tự thi đỗ hoặc tuyển thẳng.

b) Thu hút vào làm việc tại Trung tâm Y tế huyện Trạm Tấu, Trung tâm Y tế huyện Mù Cang Chải và các trạm y tế tuyến xã trên địa bàn tỉnh: Bác sĩ tốt nghiệp hệ chính quy các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm (không bao gồm các trường hợp đào tạo theo hình thức cử tuyển, đào tạo theo địa chỉ sử dụng).”.

2. Bổ sung khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13 Điều 2 như sau:

“10. Thu hút vào lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số làm việc tại Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Yên Bái, Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Yên Bái người có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, loại khá, hệ chính quy các trường: Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học FPT, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thuộc chuyên ngành: Khoa học máy tính, kỹ thuật máy tính, kỹ thuật phần mềm, an toàn thông tin, công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; tốt nghiệp loại giỏi hệ chính quy các ngành công nghệ thông tin thuộc trường Đại học công lập khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận.

11. Thu hút vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: Người có trình độ đại học sư phạm Tiếng Anh, Tin học.

12. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông các Trường: Trung học phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, Trung học phổ thông Dân tộc nội trú Miền Tây, Trung học phổ thông Trạm Tấu, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Púng Luông, Trung học phổ thông Mù Cang Chải được Ủy ban nhân dân tỉnh cử đi đào tạo đại học chuyên ngành sư phạm Tiếng Anh theo địa chỉ sử dụng.

13. Các đối tượng thu hút vào các lĩnh vực quy định tại Điều này bao gồm: Sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không thuộc biên chế của tỉnh Yên Bái; đối tượng được hưởng hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại Điều này là các trường hợp đang sinh sống, học tập, làm việc tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh Yên Bái (không bao gồm đối tượng sinh viên ngành y đào tạo bác sĩ nội trú.”.

3. Bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Người được thu hút thuộc nhiều đối tượng áp dụng chính sách tại Quy định này thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất của chính sách thu hút.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Chính sách thu hút vào lĩnh vực y tế:

a) Các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Quy định này được hưởng mức hỗ trợ như sau:

Tiến sỹ: 550 triệu đồng/01 người;

Bác sỹ nội trú: 450 triệu đồng/01 người;

Bác sỹ chuyên khoa II, dược sỹ chuyên khoa II: 200 triệu đồng/01 người;

Bác sỹ đa khoa tốt nghiệp đại học loại giỏi: 100 triệu đồng/01 người.

b) Các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quy định này được hưởng mức hỗ trợ như sau:

Bác sỹ vào làm việc tại Trung tâm Y tế huyện Trạm Tấu, Trung tâm Y tế huyện Mù Cang Chải và các trạm y tế tuyến xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định của cấp có thẩm quyền được hưởng mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/01 người;

Bác sỹ vào làm việc tại các trạm y tế tuyến xã còn lại trên địa bàn tỉnh được hưởng mức hỗ trợ: 70 triệu đồng/01 người.”.

5. Bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 6 như sau:

“7. Chính sách thu hút vào lĩnh vực Công nghệ thông tin và chuyển đổi số: Các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 10 Điều 2 Quy định này được hưởng mức hỗ trợ như sau:

a) Tốt nghiệp đại học loại giỏi: 100 triệu đồng/01 người;

b) Tốt nghiệp đại học loại khá: 50 triệu đồng/01 người.

8. Chính sách thu hút vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 11 Điều 2 Quy định này được hưởng mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/01 người.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 9, như sau:

“Điều 9. Điều kiện cử đi đào tạo đại học, sau đại học được hưởng chính sách”.

b) Bổ sung khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông quy định tại khoản 12 Điều 2 Quy định này được Ủy ban nhân dân tỉnh cử đi đào tạo đại học sư phạm Tiếng Anh cam kết thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc tỉnh Yên Bái sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 10, như sau:

“Điều 10. Mức hỗ trợ đào tạo đại học, sau đại học và bồi dưỡng Tiếng Anh”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Sinh viên ngành y đào tạo bác sĩ nội trú, được hỗ trợ đào tạo theo hình thức hợp đồng đào tạo: 350 triệu đồng/người/khóa học.”.

c) Bổ sung điểm e khoản 4 Điều 10 như sau:

“e) Các trường hợp khác được cử đi bồi dưỡng trình độ Tiếng Anh quốc tế sau khi tốt nghiệp, căn cứ từng trường hợp cụ thể theo chứng chỉ được cấp, hình thức đào tạo chứng chỉ và vị trí việc làm nơi công tác thì được vận dụng hưởng hỗ trợ bồi dưỡng tương ứng theo từng mức quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này.”.

d) Bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 12 Điều 2 Quy định này được hưởng mức hỗ trợ đào tạo như sau:

a) Hỗ trợ 100% học phí;

b) Hỗ trợ chi trả chi phí sinh hoạt: 3,63 triệu đồng/01 người/01 tháng.”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 11, như sau:

“Điều 11. Trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh được hỗ trợ đào tạo”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 11 như sau:

“4. Các trường hợp thuộc đối tượng quy định tại khoản 12 Điều 2, khoản 3 Điều 10 Quy định này phải đền bù gấp 03 lần kinh phí hỗ trợ đã được hưởng khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tự ý bỏ học trong thời gian đào tạo;

b) Đã hoàn thành chương trình đào tạo nhưng không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp;

c) Đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng không đăng ký tham gia tuyển dụng tại kỳ tuyển dụng viên chức của tỉnh Yên Bái hoặc đăng ký tham gia tuyển dụng nhưng không trúng tuyển trong 2 kỳ tuyển dụng liên kế;

d) Được tuyển dụng nhưng đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 9 Quy định này;

đ) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định yêu cầu đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, đối tượng hưởng chính sách phải hoàn trả kinh phí đầy đủ. Trường hợp không hoàn trả đầy đủ thì bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật, thông báo bằng văn bản về địa phương nơi đối tượng đăng ký thường trú và thông báo cho cơ quan, đơn vị nơi đối tượng đến công tác.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025 từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Riêng đối với sinh viên ngành y đào tạo bác sĩ nội trú quy định tại khoản 3 Điều 10 Quy định này được hưởng mức hỗ trợ 350 triệu đồng/người/khóa học, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ 200 triệu đồng, cơ quan, đơn vị đăng ký tiếp nhận, sử dụng bác sĩ nội trú sau khi tốt nghiệp chi trả hỗ trợ 150 triệu đồng từ nguồn kinh phí của đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản của Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 12

1. Bãi bỏ khoản 5 Điều 6.
2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 15.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Giữ nguyên mức thu hút, hỗ trợ hiện hưởng theo quy định tại Nghị quyết số 12 đối với các trường hợp đã được thu hút, hỗ trợ trước ngày 01 tháng 11 năm 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận: *Ht*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long